

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2020/DS-PT
Ngày 28-12-2020
V/v tranh chấp giao dịch
dân sự về hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán:

Ông Đào Minh Đa

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 389/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 346/2020/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 11/30, khu phố B 2, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 15A, khu phố 2, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/5/2020).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 130, khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 154/30, khu phố Đ, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị Kim L1 (tên gọi khác: N E), sinh năm 1967; địa chỉ: Số 82B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 83B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, bà Đặng Thị C tham gia chơi 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L1 (tên gọi khác: N E) làm chủ hụi. Dây hụi có 15 người chơi, gồm 21 phần, một phần đóng 20.000.000 đồng/tháng, bà C tham gia 01 phần. Theo thỏa thuận, mỗi tháng khui 01 lần, thành viên bỏ lãi cao thì được hốt hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng 10.000.000 đồng/01 dây hụi, người hốt hụi sẽ có trách nhiệm thanh toán hoa hồng cho chủ hụi. Bà L1 tổ chức 03 dây hụi, bà C tham gia dây thứ 1. Bà L1 vừa là chủ hụi vừa là thành viên tham gia chơi hụi.

Hụi được khui làm 03 kỳ, cụ thể:

- Kỳ 1: Khui ngày 15/6/2017: Bỏ lãi 3.000.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Nguyễn Thị Kim L1 (N E) hốt số tiền 306.000.000 đồng.

- Kỳ 2: Khui ngày 14/7/2017: Bỏ lãi 5.200.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Võ Văn N hốt số tiền 284.666.000 đồng.

- Kỳ 3: Khui ngày 18/8/2017: Bỏ lãi 4.500.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Phan Văn B hốt số tiền 319.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà các bị đơn hốt hụi có tiền của bà C đóng vào như sau: Ông Võ Văn N: hốt hụi 284.666.000 đồng trong đó có tiền của bà C là 20.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim L1 (N E): hốt hụi 306.000.000 đồng trong đó có tiền của bà C là 20.000.000 đồng. Ông Phan Văn B hốt hụi 319.000.000 đồng trong đó có tiền của bà C là 20.000.000 đồng.

Sau khi các bị đơn hốt hụi thì không đóng tiếp nữa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Từ tháng 9/2017, các dây hụi không hoạt động nữa. Năm 2018, ông N đã trả cho bà C 15.039.832 đồng, còn nợ lại 4.960.168 đồng, bà L1 trả 2.259.007 đồng, còn nợ lại 17.740.993 đồng, ông B trả 11.077.392 đồng, còn nợ lại 8.922.608 đồng.

Quá trình tố tụng, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 4.960.168 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.341.947 đồng [tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)], lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 6.302.116 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 (N E) hoàn trả 17.740.993 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 4.799.732 đồng [tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)], lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 22.540.725 đồng.

- Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 8.922.608 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 2.413.965 đồng [tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)], lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 11.336.572 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời xác định các yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc ông Võ Văn N có trách nhiệm trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 4.960.168 đồng;

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 (N E) có trách nhiệm trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 17.740.732 đồng;

- Buộc ông Phan Văn B có trách nhiệm trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 8.922.608 đồng.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2020, bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông quen biết bà Nguyễn Thị Kim N do làm ăn chung với nhau, còn bà Nguyễn Thị Kim L1 ông biết là em gái của bà N. Bà Đặng Thị C là thành viên cùng tham gia chơi hui do bà N làm chủ hui.

Khoảng tháng 4, 5/2017, bà Nguyễn Thị Kim N rủ chơi hui. Đến tháng 6/2017 bắt đầu chính thức khai hui. Tất cả có 03 dây hui, mỗi dây có 15 thành viên. Ông tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần, mỗi phần đóng 20.000.000 đồng. Kỳ khai hui, thành viên đóng phần hui sống sau khi trừ tiền lãi. Ông N đã hót 04 phần hui với tổng số tiền là 1.177.000.000 đồng, ông đóng tiền hoa hồng cho bà N 40.000.000 đồng, còn bà N chia số tiền hoa hồng cho ai thì ông không biết. Trong số tiền hui ông hót có phần đóng hui sống của bà C là 51.000.000 đồng, sau khi trừ phần lãi. Trường hợp dây hui vẫn tiếp tục hoạt động thì bà C hót hui trong đó ông phải đóng phần hui chết với số tiền 40.000.000 đồng.

Trong tổng số tiền hui, ông N lĩnh 1.177.000.000 đồng, ông không nhận về mà bà N giữ, đồng thời ông đưa thêm 23.000.000 đồng cho bà N là 1.200.000.000 đồng để bà N mua cổ phần FPT. Số tiền này là số tiền bà N lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ông là bị hại trong vụ án hình sự đang được cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương điều tra. Từ 9/2017, các dây hui không hoạt động nữa, bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang bị tạm giam. Ông N xác định số tiền hui ông hót ông không nhận mà bà N giữ nên bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho bà C, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/9/2020, ông N đồng ý với yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày:

Bà L1 là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Kim N (thường gọi là N chị), mọi người thường gọi bà L1 là N E. Khoảng tháng 5, 6 năm 2017, bà N cùng với nhóm bạn trong tập thể mua cổ phần FPT có lập 03 dây hội, mỗi dây tham gia chơi là 20.000.000 đồng/01 phần. Do không có điều kiện để mua cổ phần của FPT nên bà N cùng với nhóm bạn cùng đề cử bà L1 làm chủ hội để được hưởng tiền hoa hồng. Bà L1 làm chủ hội cả 03 dây hội đồng thời tham gia với tư cách người chơi hội 02 dây là dây 01 và dây 02, việc bà L1 làm chủ hội chỉ trên hình thức và nhận tiền hoa hồng của mỗi kỳ. Đến kỳ đóng tiền thì các hội viên đóng cho bà L1 nhưng ngay sau khi các hội viên đóng tiền thì bà L1 chuyển luôn số tiền mà các hội viên đã đóng cho hội viên hốt hội của kỳ đó. Còn việc bà L1 tham gia chơi hội là do bà N đóng tiền và bà N cũng là người hốt phần hội của bà L1, số tiền bao nhiêu thì bà L1 cũng không biết (vì bà L1 không được nhận) và bà N sử dụng luôn số tiền này. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L1 hoàn trả 17.740.993 đồng nợ hội thì bà L1 không đồng ý. Bà L1 xác định không hốt hội của các hội viên mà do bà N hốt phần hội của bà L1 nên bà N phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền hội trên.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn B trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về việc tham gia các dây hội, hốt hội, đồng ý với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tiền bồi thường là 2.413.965 đồng, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền nợ hội còn lại, chỉ đồng ý trả số tiền tương ứng với số tiền ông đã nhận (ông hốt 02 dây hội, mỗi dây bỏ lãi 4.500.000 đồng, hội sống đóng 15.500.000 đồng) chứ không đồng ý trả với số tiền 20.000.000 đồng/1 phần hội. Ngoài ra, ông B không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Kim L1, còn ông N, ông B là người quen biết cùng tham gia chơi hội.

Khoảng tháng 6/2017, bà có tham gia chơi 03 dây hội, lúc đầu các thành viên trong dây hội đề cử bà là chủ hội nhưng bà không làm mà để cho bà L1 làm chủ hội vì hoàn cảnh của bà L1 khó khăn, mọi người thống nhất chỉ tiền hoa hồng cho bà L1 để giúp đỡ bà L1. Tiền hoa hồng là 10.000.000 đồng/01 lần hốt hội. Trong 03 dây hội, bà N chơi 07 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng và bà chưa hốt phần hội nào. Ông N đã hốt 04 phần, ông B hốt hết 02 phần. Số tiền hốt hội của ông N và ông B đã đưa cho bà để bà mua cổ phần FPT. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N đồng ý để ông N, ông B có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Phần trách nhiệm của bà L1 thì sẽ do bà trả thay cho bà L1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Võ Văn N bồi thường số tiền là 1.341.947 đồng; ông Phan Văn B bồi thường số tiền 2.431.965 đồng, bà Nguyễn Thị Kim L1 bồi thường số tiền 4.799.732 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị C đối với bị đơn ông Võ Văn N, ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Kim L1 về tranh chấp hội.

- Buộc bị đơn ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị C số tiền hội còn nợ là 4.960.168 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn một trăm sáu mươi tám đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị C số tiền hội còn nợ là 17.740.993 đồng (mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn chín trăm chín mươi ba đồng);

- Buộc ông Phan Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị C số tiền hội còn nợ là 8.922.608 đồng (tám triệu chín trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi có án sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi hội của nguyên đơn; ông B chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Phan Văn B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bị đơn ông Phan Văn B trả thêm cho nguyên đơn bà Đặng Thị C số tiền nợ hội (gốc) là 4.422.608 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Đặng Thị C, các bị đơn ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim L1 không kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của bà Đặng Thị C, ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim L1 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện và lời khai của các bên đương sự đều thể hiện: Bà Đặng Thị C, ông Phan Văn B và một số người khác là thành viên trong các dây hội do bà Nguyễn Thị Kim L1 (hay gọi là N E) làm chủ hội, mỗi kỳ góp hội, giao tiền hội thì chủ hội được hưởng tiền hoa hồng. Do đó, nếu không có thỏa thuận khác bà Đặng Thị C (hội viên) không có quyền khởi kiện ông Phan Văn B (hội viên) để đòi tiền nợ hội khi dây hội bị chấm dứt hoạt động; trong trường hợp này trách nhiệm với các hội viên là chủ hội. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có thỏa thuận nào khác giữa bà C và ông B, bà C có quyền khởi kiện ông B hay không mà thụ lý yêu cầu khởi kiện giữa bà C và ông B là chưa đúng bản chất của giao dịch dân sự về hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa hai bên là không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên Tòa án ghi nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn B tự nguyện chịu.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là bị đơn ông Phan Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 148, 282, 300, 308, 309 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Đặng Thị C và bị đơn ông Phan Văn B như sau:

Ông Phan Văn B phải trả cho bà Đặng Thị C số tiền hui (gốc) còn nợ là 4.422.608 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn B tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0048593 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương.

6. Những phần Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương có liên quan đến quyền lợi của bà Đặng Thị C, ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Kim L1 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố A;
- TAND thành phố A;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSPA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc

